TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày: 26-02-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Thái Trung Nghĩa
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố H (H3). Địa chỉ: B Bis N, P. B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu Q - Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H. Địa chỉ: số A đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lâm Bửu D, sinh năm1982; (vắng mặt)
Bà Thạch Thị H, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2023 (BL01-02) của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H3) *cũng như trong quá trình giải*

quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị Thu Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

* Vào ngày 21/7/2022 giữa ngân hàng và ông Lâm Bửu D, bà Thạch Thị H có ký hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD; phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL01 ngày 07/11/2022 và phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL02 ngày 13/07/2023.

- Khế ước nhận nợ số 30767/22MN/HĐTD/KUNN04 ngày 07/12/2022: Số tiền vay: 738.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi tám triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 08/12/2022 đến ngày 07/12/2023; Lãi suất: 14%/ năm và có thể được H3 điều chỉnh theo từng thời kỳ; Mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi tôm (Thanh toán tiền mua hàng theo bảng kê ngày 10/11/2022).

- Khế ước nhận nợ số 30767/22MN/HĐTD/KUNN05 ngày 09/12/2022: Số tiền vay: 262.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 10/12/2022 đến ngày 09/12/2023; Lãi suất: 14%/ năm và có thể được H3 điều chỉnh theo từng thời kỳ; Mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi tôm (Thanh toán tiền mua hàng theo bảng kê ngày 08/12/2022);

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Thửa đất số 333, tờ bản đồ 27, tọa lạc tại Khóm A, Phường A, thị xã V, Sóc Trăng. Diện tích: 500,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 586530, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS16334 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 06/09/2022; Thửa đất số 992, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại Khóm Cà Lăng A, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Diện tích: 5.988m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 416429, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS01138 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 16/11/2017 (Cập nhật chuyển nhượng ngày 17/06/2021). Các tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 35504/22MN/HĐBĐ ngày 07/11/2022 tại Văn phòng C1 (Thành Phố S, tỉnh Sóc Trăng), số công chứng 8905, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã V, tỉnh Sóc Trăng ngày 07/11/2022.

Tính đến ngày 26/02/2024, tổng số tiền mà ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H còn nợ Ngân hàng 1.097.971.796 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng).

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H phải liên đới thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho H3 theo các hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày

26/02/2024 với tổng số tiền là: 1.097.971.796 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó theo hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD; phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL01 ngày 07/11/2022 và phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL02 ngày 13/07/2023, Khế ước nhận nợ số 30767/22MN/HĐTD/KUNN04 ngày 07/12/2022 nợ gốc 738.000.000 đồng, lãi trong hạn 35.968.642 đồng, lãi quá hạn 34.712.840 đồng; Khế ước nhận nợ số 30767/22MN/HĐTD/KUNN05 ngày 09/12/2022 nợ gốc: 262.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.418.522 đồng, lãi quá hạn 11.871.792 đồng.

- Buộc ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng: khế ước nhận nợ đã ký kết với H3 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 27/02/2024) cho đến ngày thực tế ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H.

- Trường hợp ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H3, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp cho H3, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H tại Ngân hàng thì ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Lời trình bày của bị đơn bà Thạch Thị H tại phiên hòa giải ngày 20/12/2023 (BL119-120): Bà H có vay tiền của Ngân hàng và chưa có thanh toán nợ cho Ngân hàng là đúng như Ngân hàng đã khởi kiện, tính đến ngày 20/12/2023 bà H còn nợ Ngân hàng số tiền 1.059.008.966 đồng, tuy nhiên hiện nay bà H đang gặp khó khăn về kinh tế nên chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng được, yêu cầu Ngân hàng T1 điều kiện cho thêm 06 tháng sẽ thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Lâm Bửu D vắng mặt tại tất cả các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H chưa chấp hành đúng pháp luật, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh

chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn với số tiền 1.097.971.796 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó theo hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD; phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL01 ngày 07/11/2022 và Khế ước nhận nợ số 30767/22MN/HĐTD/KUNN04 ngày 07/12/2022 nợ gốc 738.000.000 đồng, lãi trong hạn 35.968.642 đồng, lãi quá hạn 34.712.840 đồng; Khế ước nhận nợ số 30767/22MN/HĐTD/KUNN05 ngày 09/12/2022 nợ gốc: 262.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.418.522 đồng, lãi quá hạn 11.871.792 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử ngày 27/02/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để thu hồi nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H nhưng ông D, bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H3) có ký Hợp đồng tín dụng với bên vay ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H, mục đích vay để bổ sung vốn nuôi tôm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông D và bà H trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà H có nghĩa vụ thực hiện trả tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H3) với bị đơn ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị

H là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú tại khóm A, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H3) về việc yêu cầu các bị đơn trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/02/2024) tổng cộng 1.097.971.796 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó theo hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD; phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL01 ngày 07/11/2022 và phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL02 ngày 13/07/2023, Khế ước nhận nợ số 30767/22MN/HĐTD/KUNN04 ngày 07/12/2022 nợ gốc 738.000.000 đồng, lãi trong hạn 35.968.642 đồng, lãi quá hạn 34.712.840 đồng; Khế ước nhận nợ số 30767/22MN/HĐTD/KUNN05 ngày 09/12/2022 nợ gốc: 262.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.418.522 đồng, lãi quá hạn 11.871.792 đồng.

[4.1] *Xét Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD ngày 21/7/2022; phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL01 ngày 07/11/2022 và phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL02 ngày 13/7/2023 Hội đồng xét xử thấy:* Theo Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng đã ký và giấy nhận nợ đề ngày 07/12/2022 ông D và bà H nhận tiền vay của Ngân hàng là 738.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, thỏa thuận lãi suất trong hạn là 14%/năm và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn và giấy nhận nợ ngày 09/12/2022 ông D và bà H nhận tiền vay của Ngân hàng là 262.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 14%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, trong năm 2022 bị đơn đã ký hợp đồng tín dụng và nhận tiền xong. Đối với phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL02 ngày 13/7/2023, Ngân hàng ký phụ lục hợp đồng hạn mức 1.000.000.000 đồng, nhưng không có giải Ngân cho phía bị đơn. Quá trình vay tiền Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông D, bà H thực hiện trả nợ gốc và lãi, nhưng ông D và bà H vẫn không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các đương sự, các đương sự thừa nhận không ai phản đối tình tiết đã giao kết Hợp đồng cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng tiền vay để nuôi tôm là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng; Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn

vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn liên đới thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử (26/02/2024) là 1.097.971.796 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó theo hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD; phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL01 ngày 07/11/2022 và Khế ước nhận nợ số 30767/22MN/HĐTD/KUNN04 ngày 07/12/2022 nợ gốc 738.000.000 đồng, lãi trong hạn 35.968.642 đồng, lãi quá hạn 34.712.840 đồng; Khế ước nhận nợ số 30767/22MN/HĐTD/KUNN05 ngày 09/12/2022 nợ gốc: 262.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.418.522 đồng, lãi quá hạn 11.871.792 đồng.

[4.2] *Đối với nợ lãi*: Hợp đồng tín dụng số *30767/22MN/HĐTD ngày 21/7/2022; phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL01 ngày 07/11/2022* có lãi suất thỏa thuận 14%/năm đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị Ngân hàng xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D và bà H phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] *Xét Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số:35504/22MN/HĐBĐ ngày 07/11/2022 tại Văn phòng C1 (Thành Phố S, tỉnh Sóc Trăng), số công chứng 8905, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã V, tỉnh Sóc Trăng ngày 07/11/2022 Hội đồng xét xử thấy:* Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông D và bà H đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 586530, thuộc thửa đất số 333, tờ bản đồ 27, tọa lạc tại Khóm A, Phường A, thị xã V, Sóc Trăng. Diện tích: 500,9m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 06/09/2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 416429 thuộc thửa đất số 992, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại Khóm Cà Lăng A, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Diện tích: 5.988m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 16/11/2017 (Cập nhật chuyển nhượng ngày 17/06/2021 cho ông Lâm Bửu D). Các bên tham gia có đủ điều kiện về chủ thể, hoàn toàn tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội và có đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nếu ông D và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là đúng theo quy định tại Điều 8 của

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 35504/22MN/HĐBĐ ngày 07/11/2022 mà các bên đã ký kết.

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/11/2023 (BL103-106) quyền sử dụng đất được đương sự thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm sau:

- Thửa đất số 333, tờ bản đồ 27, tọa lạc tại Khóm A, Phường A, thị xã V, Sóc Trăng. Diện tích: 500,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 586530, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS16334 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 06/09/2022. Tài sản trên đất không có.

- Thửa đất số 992, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại Khóm Cà Lăng A, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Diện tích: 5.988m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 416429, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS01138 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 16/11/2017 (Cập nhật chuyển nhượng ngày 17/06/2021). Tài sản trên đất không có.

[5] Đối với bị đơn H có trình bày yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện trong vòng 06 tháng sẽ thanh tóan dứt nợ, nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời trình bày của bị đơn H là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 27/02/2024) bị đơn ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD; phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL01 ngày 07/11/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H phải liên đới chịu. Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố H (H3) đã tạm ứng trước nên các bị đơn ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H có nghĩa vụ liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 325; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7; khoản 2 Điều 8; Điều 10; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố H (H3) đối với các bị đơn ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H phải liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố H (H3), tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/02/2024) bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc 1.000.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn 51.387.164 đồng;
- Lãi quá hạn 46.584.632 đồng;

Tổng cộng 1.097.971.796 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng)

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 27/02/2024) ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD; phụ lục Hợp đồng tín dụng số 30767/22MN/HĐTD/PL01 ngày 07/11/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố H (H3) có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H không thanh toán số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thị xã V phát mãi tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 35504/22MN/HĐBĐ ngày 07/11/2022 mà các bên đã ký kết để Ngân hàng thu hồi nợ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H phải liên đới chịu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố H (H3) đã tạm ứng trước nên ông D và bà H có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên lại cho Ngân hàng.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Lâm Bửu D và bà Thạch Thị H phải chịu 44.939.154 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi chín nghìn một trăm năm mươi bốn đồng).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố H (H3) không phải chịu án phí sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.324.934 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008562 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng